

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **425/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 28 - 09 - 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 640/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 692/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chung Lý Kiến N, sinh năm 1997; ĐKKHKT: Tổ 08, ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 05, ấp P, xã L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 08, ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tất cả các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Chung Lý Kiến N và ông Phạm Văn C là do mai mối, có tổ chức lễ cưới; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 06/12/2017.

Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do điều kiện kinh tế, ông C không lo làm ăn; bất đồng quan điểm sống với chồng và gia đình bên chồng. Mẹ chồng hà khắc đuổi đi và bà N về nhà cha mẹ ruột ở xã L, huyện Tri Tôn sống từ năm 2019. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà N và ông C có 01 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 28/12/2019. Hiện cháu T đang chung sống cùng ông C. Bà N đồng ý để ông C được trực tiếp nuôi cháu T sau ly hôn và bà tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông C đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên không ghi nhận được ý kiến của ông C. Bà N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân. Theo Biên bản xác minh ngày 05/8/2022 thì ông Phạm Văn C có đăng ký hộ khẩu và hiện sinh sống tại ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, đơn xin không tham gia phiên tòa của bà N; biên bản xác minh của Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà N; tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà N và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận theo yêu cầu của bà N, giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện của bà N về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Chung Lý Kiến N khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Văn C, đồng ý để ông C được trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Phạm Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vắng mặt không lý do, bà N có đơn xin không tham gia phiên tòa. Như vậy các đương sự đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ tình cảm: Theo trình bày của bà N, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà N và ông C là do bất đồng quan điểm sống, ảnh hưởng đời sống kinh tế gia đình và sự hà khắc nhà chồng. Bà N và ông C đã ly thân từ năm 2019. Trong thời gian ly thân, cũng như trong thời gian Tòa án tiến hành giải quyết, ông C không có hành động thể hiện sự hàn gắn và không có ý kiến về việc bà N xin ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà N và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy cháu Phạm Thanh T đang được ông C và gia đình ông C nuôi dạy tốt, bà N cũng đồng ý để ông C được tiếp tục nuôi dạy cháu Trúc và tự nguyện cấp dưỡng. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Tuy nhiên, từ khi cháu T được sinh ra cho đến nay đều do ông C, gia đình ông C nuôi dạy, nên giao cháu T cho ông C trực tiếp nuôi dạy sẽ ổn định tâm lý, sự phát triển bình thường của cháu.

Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của bà N.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Nếu ông C có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện và sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà Chung Lý Kiến N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng, ông Phạm Văn C không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chung Lý Kiến N,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Lý Kiến N được ly hôn với ông Phạm Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 130 ngày 06/12/2017 do Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Văn C và bà Chung Lý Kiến N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Phạm Văn C được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 28/12/2019.

Bà Chung Lý Kiến N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi và tự lập được.

Bà Chung Lý Kiến N và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của ông Phạm Văn C. Ngược lại, ông C và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà N.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Chung Lý Kiến N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng. Tổng án phí bà N phải chịu là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006896 ngày 22/7/2022. Bà N phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Chung Lý Kiến N và ông Phạm Văn C. Thời hạn kháng cáo của ông C, bà N là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Nhơn Hội (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

